

TOÀ ÁN NHÂN DÂN
Huyện Quế Võ
Tỉnh Bắc Ninh

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 13/2017/DS-ST

Ngày 20 tháng 9 năm 2017

Tr/ch: Hợp đồng mua bán tài sản

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN QUẾ VÕ

Với thành phần hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

- *Thẩm phán - chủ tọa phiên toà:* Bà Nguyễn Tuyết Mai

Các hội thẩm nhân dân: 1. Ông Nguyễn Hữu Hãn

2. Ông Nguyễn Thế Sách

- *Thư ký phiên toà:* Bà Vũ Thị Hòa - Thư ký TAND huyện Quế Võ

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Quế Võ, tỉnh Bắc Ninh tham gia phiên toà:* Bà Nguyễn Thị Quỳnh Hương – Kiểm sát viên.

Ngày 20 tháng 9 năm 2017, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Quế Võ, Tỉnh Bắc Ninh mở phiên toà công khai xét xử sơ thẩm vụ án Tranh chấp hợp đồng mua bán tài sản thụ lý số 34/2016/TLST- DS ngày 29 tháng 3 năm 2016 theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 10/2017/QĐST- DS ngày 10/7/2017, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Bà Ngô Thúy T, sinh năm 1959 *(Có mặt)*

Địa chỉ: Thôn Đ, thị trấn Phố Mới, huyện Quế Võ, tỉnh Bắc Ninh

Bị đơn: Anh Mai Văn M, sinh năm 1975 *(Có mặt)*

Chị Trần Thị L, sinh năm 1978 do anh Mai Văn M, sinh năm 1975 đại diện

Địa chỉ: Thôn N, thị trấn Phố Mới, huyện Quế Võ, tỉnh Bắc Ninh

Người bảo vệ quyền lợi ích hợp pháp cho anh Mai Văn Mạnh:

Luật sư Nguyễn Văn D, Văn phòng luật sư P *(Có mặt)*

Địa chỉ: Số 5, ngõ 341/19/5 đường X, quận Nam Từ Liêm, thành phố Hà Nội;

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và các lời khai tại Tòa án, nguyên đơn chị Ngô Thúy T trình bày: Chị và vợ chồng anh Mai Văn M, chị Trần Thị L quen biết nhau từ trước. Khoảng tháng 10/2010, anh M có nhận làm đường giao thông cho thôn Đ, thị trấn Phố Mới, huyện Quế Võ, tỉnh Bắc Ninh. Khi đó anh M bảo chị chở vật liệu gồm: gạch, xi măng,

cát, đá để anh M làm đường. Hai bên thỏa thuận bằng lời nói với nhau, không có hợp đồng bằng văn bản giữa chị với Công ty TNHH XD và TM M (gọi tắt là công ty M) do anh M làm giám đốc.

Trong khoảng thời gian từ 2010 – 2011 chị giao vật tư cho anh Mai Văn M và chị Trần Thị L, mỗi lần giao nhận thì anh M và chị L đều ký nhận theo từng ngày vào sổ của chị. Ngoài sổ giao nhận giữa chị với vợ chồng anh M và những người làm thuê cho anh M thì không có văn bản nào khác.

Sau khi giao vật tư anh M và chị L không thanh toán trả cho chị, chị đã đòi nhiều lần nhưng không được. Ngày 12/8/2011, anh M làm giấy ủy quyền cho chị đến lĩnh tiền của thôn Đ nhưng trước đó anh M đã lĩnh hết rồi.

Nay phía anh M và chị L không muốn trả tiền cho chị nên mới chuyển khoản nợ này sang phía công ty của anh M, vì công ty của anh M không còn tài sản gì nữa. Vì vậy chị vẫn giữ nguyên yêu cầu kiện đòi anh Mai Văn M và chị Trần Thị L trả tiền vật tư chị đã bán là 366.440.000đ (*Ba trăm sáu mươi sáu triệu bốn trăm bốn mươi nghìn đồng chẵn*) và tiền lãi từ khi gửi đơn ra Tòa án đến nay theo luật. Ngoài ra chị không có yêu cầu gì khác. Các yêu cầu còn lại theo đơn khởi kiện chị rút lại không yêu cầu tòa án giải quyết.

Tại phiên tòa chị Ngô Thúy T vẫn giữ nguyên yêu cầu trên.

Bị đơn trình bày: Năm 2010, công ty M có ký Hợp đồng kinh tế số 10/XDCB-HĐ/2010 ngày 04/7/2010 với thôn Đ về việc thi công tuyến đường giao thông thôn Đ, thị trấn Phố Mới, huyện Quế Võ, tỉnh Bắc Ninh. Trong khoảng thời gian từ ngày ký hợp đồng đến hết tháng 9/2010 công ty M đã thi công được 1/2 khối lượng công trình nhưng thôn Đ không thanh toán theo Hợp đồng đã ký, do đó công ty M tạm dừng không thi công. Đến khoảng tháng 10/2010, đại diện thôn Đ là ông Nguyễn Khắc T - trưởng thôn đã mời chị Ngô Thúy T tham gia cung ứng vật tư xây dựng và đề nghị công ty M cử người xác nhận vật tư, vật liệu của chị T và tiếp tục thi công công trình. Ông T đại diện chính quyền thôn Đ hứa sẽ chịu trách nhiệm thanh toán tiền vật tư, vật liệu, nhân công cho chị T (căn cứ theo đề nghị tạm ứng tiền của công ty M).

Theo sổ ghi chép của chị T thì có rất nhiều người được thanh toán tiền vật liệu và nhân công trên công trường như anh C, anh , anh L, anh B, chị P... trong đó có cả chị T, anh M và chị L. Công ty M với tư cách là đơn vị nhận thầu thi công trọn gói công trình và chị T cung ứng vật tư xây dựng, công ty M giám sát và xác nhận chị T tạm ứng tiền cho nhân công và chuyển vật liệu xuống công trường. Do đó, giữa công ty M và chị T chỉ có quan hệ về thi công và cung ứng vật tư cho thôn Đ của phần thi công khối lượng 1/2 hợp đồng còn lại theo hợp đồng đã ký chứ công ty M không trực tiếp ký hợp đồng hoặc thỏa thuận mua bán gì với chị T. Cá nhân anh M ký xác nhận với tư cách là đại diện pháp nhân chứ anh M và chị L không có quan hệ mua bán với chị T.

Đến thời điểm hiện tại chị T chưa có hồ sơ quyết toán khối lượng, chưa có biên bản thanh lý hợp đồng để thanh quyết toán với công ty M. Vì vậy Bị đơn đề nghị tòa

án yêu cầu chị T thực hiện thủ tục thanh quyết toán đúng theo quy định của pháp luật, chấm dứt thỏa thuận mua bán vật tư xây dựng (không có hợp đồng bằng văn bản) và đưa đại diện thôn Đ tham gia phiên tòa với tư cách là người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan trong vụ án.

Ngoài ra Bị đơn thừa nhận từ ngày 10/10/2010 đến 15/5/2011, Bị đơn có nhận vật tư của Nguyên đơn tổng cộng là tổng cộng là 366.440.000đ (*Ba trăm sáu sáu triệu bốn trăm bốn mươi nghìn đồng*), hiện tại số tiền tiền vật tư này vẫn còn nợ của Nguyên đơn. Tuy giữa Nguyên đơn và công ty M không có biên bản thỏa thuận về việc cung cấp vật tư mà chỉ có sổ giao nhận của Nguyên đơn và Bị đơn nhưng số vật tư đó dùng vào việc làm đường của công ty M nên trách nhiệm trả là của công ty M do anh M làm giám đốc chứ không phải của Bị đơn.

Vì vậy, anh M với tư cách là giám đốc công ty M xác nhận hiện công ty M còn nợ chị Ngô Thúy T số tiền vật tư là tổng cộng là 366.440.000đ (*Ba trăm sáu sáu triệu bốn trăm bốn mươi nghìn đồng*) và đồng ý trả tiền gốc nhưng không đồng ý trả tiền lãi tính từ ngày khởi kiện đến nay theo luật.

Tại phiên tòa anh Mai Văn M xác nhận công ty M do anh làm Giám đốc đồng ý trả chị Ngô Thúy T tiền vật liệu và tiền lãi tính từ khi khởi kiện đến nay theo yêu cầu của chị T. Cá nhân anh M không đồng ý trả khoản nợ trên cho chị T.

Người bảo vệ quyền lợi ích hợp pháp của bị đơn trình bày tại phiên tòa: Số vật tư của chị T giao được sử dụng vào việc làm đường của công ty M, không sử dụng vào việc riêng của vợ chồng anh M và chị L. Vì vậy đề nghị Hội đồng xét xử xác nhận số nợ trên là của công ty M, buộc công ty M do anh Mai Văn M - Giám đốc đại diện phải trả cho chị T số tiền vật tư và tiền lãi theo yêu cầu của chị T từ khi khởi kiện đến nay theo luật.

Đại diện VKSND huyện Quế Võ tham gia phiên tòa nhận xét:

Về tố tụng: Thẩm phán chủ tọa đã chấp hành đúng các quy định tại Điều 48 Bộ luật tố tụng dân sự trong quá trình giải quyết vụ án; việc thu thập chứng cứ đầy đủ, khách quan, đảm bảo trình tự thủ tục tố tụng dân sự.

Tại phiên tòa HĐXX đã thực hiện đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự, đảm bảo nguyên tắc xét xử công khai bằng lời nói và liên tục.

Đương sự thực hiện đúng các quy định tại các Điều 70, 71, 72 và 234 Bộ luật tố tụng dân sự.

Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng Điều 430, Điều 431, Điều 433, Điều 434, Điều 440, Điều 357, khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự 2015; Điều 27 Pháp lệnh về án phí, lệ phí Tòa án số 10/2009/PL TVQH12 ngày 27/2/2009 của Ủy ban thường vụ Quốc hội. Xử:

- Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Nguyên đơn đối với Bị đơn.

Buộc anh Mai Văn M và chị Trần Thị L phải trả cho chị Ngô Thúy T 366.440.000đ tiền vật liệu và 53.834.000đ tiền lãi, tổng cộng là 420.274.000đ 420.274.000đ (*Bốn trăm hai mươi triệu hai trăm bảy tư nghìn đồng chẵn*).

- Án phí: Anh Mai Văn M và chị Trần Thị L phải chịu án phí dân sự sơ thẩm. Chị Ngô Thúy T không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên toà, hội đồng xét xử nhận định:

- *Về thủ tục tố tụng*: Trong quá trình giải quyết vụ án, anh Mai Văn M và chị Trần Thị L ủy quyền cho luật sư Nguyễn Chí D tham gia tố tụng tại tòa án, người bảo vệ quyền lợi ích hợp pháp cho anh M là luật sư Ngụy Thành T. Ngày 25/7/2017 luật sư Nguyễn Chí D có văn bản chấm dứt ủy quyền tham gia tố tụng là người đại diện và người bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp cho anh M và chị L. Ngày 08/9/2017 anh M cũng có văn bản từ chối đối với hai luật sư trên, do đó Tòa án không đưa luật sư Nguyễn Chí D và luật sư Ngụy Thành T tham gia tố tụng trong vụ án.

- *Về thẩm quyền và quan hệ pháp luật*: Đây là vụ án dân sự về tranh chấp hợp đồng mua bán tài sản giữa 2 cá nhân không có đăng ký kinh doanh với nhau (trong đó một bên là chị Ngô Thúy T có mục đích lợi nhuận). Vì: Ngoài sổ giao nhận nguyên vật liệu giữa chị T với vợ chồng anh M, chị L thì giữa chị Tih và Công ty của anh M không có hợp đồng về việc mua bán nguyên vật liệu. Mà chỉ là thỏa thuận bằng lời nói giữa các bên, theo đó một bên giao hàng, một bên nhận hàng và trả tiền. Bên chị T lấy vật liệu về giao cho vợ chồng anh M (có lợi nhuận), còn vợ chồng anh M nhận vật liệu (không mua bán lại nên không có lợi nhuận).

- *Về thời hiệu khởi kiện*: Theo quy định tại Điều 429 Bộ luật dân sự thì thời hiệu khởi kiện đối với Hợp đồng là 03 năm kể từ ngày người có quyền biết quyền và nghĩa vụ của mình bị xâm hại. Thời hạn thực hiện hợp đồng từ năm 2010 đến năm 2011, giữa các bên không thỏa thuận về thời hạn thanh toán, nhưng nghĩa vụ thanh toán đối với hợp đồng mua bán tài sản là sau khi giao tài sản, nếu chậm trả thì sẽ phải chịu lãi suất theo quy định.

Trong vụ án này, Bị đơn (anh Mai Văn M, chị Trần Thị L) đã ủy quyền cho Nguyên đơn (chị Ngô Thúy T) đến lĩnh tiền tại UBND thị trấn Phố Mới, nhưng thực tế số tiền này Bị đơn đã lĩnh trước đó. Vì thế Nguyên đơn đã tố giác Bị đơn về hành vi lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt 782.870.00đ đến Cơ quan CSĐT Công an tỉnh Bắc Ninh, ngày 23/6/2014 Cơ quan CSĐT Công an tỉnh Bắc Ninh đã thông báo không khởi tố vụ án hình sự với lý do: “*Nội dung đơn của chị Ngô Thúy T tố cáo anh Mai Văn M là quan hệ dân sự không có dấu hiệu của tội phạm hình sự*”. Vì thế thời điểm Nguyên đơn biết quyền và nghĩa vụ của mình bị xâm hại là ngày 23/6/2014 - ngày Cơ quan CSĐT Công an tỉnh Bắc Ninh thông báo không khởi tố vụ án hình sự. Do đó thời hiệu

khởi kiện của Nguyên đơn trong vụ án này vẫn còn, việc thụ lý vụ án của tòa án là đúng theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

- *Về nội dung*: Căn cứ vào sổ giao nhận vật tư do Nguyên đơn xuất trình thì trong khoảng thời gian từ 2010 – 2011, Nguyên đơn giao cho Bị đơn (có ký nhận) nguyên vật liệu gồm: gạch, cát, sỏi, đá, xi măng... với tổng số tiền hiện chưa thanh toán được Nguyên đơn và Bị đơn thừa nhận là 366.440.000đ (*Ba trăm sáu mươi sáu triệu bốn trăm bốn mươi nghìn đồng chẵn*). Ngoài sổ giao nhận vật tư nêu trên thì giữa hai bên chỉ có thỏa thuận bằng lời nói nên không có thỏa thuận bằng văn bản.

Bị đơn xác nhận khoản nợ trên là của công ty M (do anh Mai Văn M là Giám đốc) chứ không phải của cá nhân anh Mai Văn M và chị Trần Thị L là không có căn cứ, vì: Giữa Nguyên đơn và công ty M không có bất cứ một thỏa thuận hoặc hợp đồng bằng văn bản về việc giao nhận nguyên vật liệu, cũng như hóa đơn, chứng từ về việc xuất, nhập nguyên vật liệu.

Theo cung cấp của Chi cục thuế huyện Quế Võ thì năm 2015 và 2016 công ty M có doanh số thuế bằng 0. Số tiền thi công tuyến đường giao thông thôn Đ đã được UBND thị trấn Phố Mới thanh toán cho công ty M từ năm 2014. Vì vậy việc Bị đơn muốn chuyển khoản nợ trên cho công ty M thực chất là nhằm trốn tránh nghĩa vụ trả nợ chứ không vì muốn thực hiện nghĩa vụ trả nợ. Do đó không chấp nhận khoản nợ trên là của công ty M mà xác nhận khoản nợ trên là của Bị đơn. Ngoài ra trong thời gian hai tháng Bị đơn thay đổi 2 luật sư bảo vệ quyền lợi ích hợp pháp và xin hoãn phiên tòa nhiều lần để kéo dài gây khó khăn cho việc giải quyết vụ án.

Đối với lời khai của Bị đơn: Không có việc mua bán với Nguyên đơn mà do ông Nguyễn Văn T - Trưởng thôn Đ mời Nguyên đơn tham gia cung ứng vật tư xây dựng và đề nghị công ty M cử người xác nhận vật tư, vật liệu của Nguyên đơn và tiếp tục thi công công trình. Ông T đại diện chính quyền thôn Đ hứa sẽ chịu trách nhiệm thanh toán tiền vật tư, vật liệu, nhân công cho Nguyên đơn (căn cứ theo đề nghị tạm ứng tiền của công ty M) (*BL 111*). Tuy nhiên khi công ty M quyết toán toàn bộ công trình trên thì lại không thanh toán trả tiền nguyên vật liệu cho Nguyên đơn. Vì thế lời khai này của Bị đơn là không có căn cứ.

Theo Bị đơn thì: Đến thời điểm hiện tại giữa công ty M và Nguyên đơn chưa có hồ sơ quyết toán khối lượng, chưa có biên bản thanh lý hợp đồng và yêu cầu Nguyên đơn phải làm thủ tục thanh quyết toán theo quy định (*BL 110*), nhưng trên thực tế thì Bị đơn đã quyết toán xong công trình từ năm 2014. Điều đó chứng minh: chứng từ thanh toán của công ty M không liên quan đến Nguyên đơn, vì nếu Nguyên đơn chưa có hồ sơ quyết toán khối lượng công trình với công ty M thì công ty M cũng không có hồ sơ để quyết toán với UBND thị trấn Phố Mới.

Bị đơn cho rằng: có thỏa thuận ba bên giữa Nguyên đơn, Bị đơn và ông Nguyễn Văn T – Trưởng thôn Đĩnh, nhưng bị đơn không xuất trình được chứng cứ chứng minh có sự thỏa thuận này, hơn nữa ông Nguyễn Văn T đã chết nên không thể điều tra xác

minh và đối chất giữa các bên được. Do đó không có căn cứ chấp nhận lời khai này của Bị đơn.

Đối với yêu cầu của Bị đơn đề nghị đưa đại diện thôn Đ tham gia tố tụng với tư cách là Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan trong vụ án là không có cơ sở. Vì đại diện thôn Đ không có bất cứ thỏa thuận hoặc ký kết nào liên quan đến Nguyên đơn và Bị đơn trong vụ án này. Hơn nữa UBND thị trấn Phố Mới đã thanh toán toàn bộ tiền thi công tuyến đường giao thông thôn Đĩnh cho công ty Mai Lâm từ năm 2014, do đó giữa Nguyên đơn, công ty M, thôn Đĩnh và UBND thị trấn Phố Mới không có liên quan gì với nhau trong việc thanh quyết toán công trình trên. Vì vậy, yêu cầu của Bị đơn không được tòa án chấp nhận.

Ngoài Bị đơn thì những người ký nhận nguyên vật liệu trong sổ của Nguyên đơn thực chất là những người ký nhận thay cho Bị đơn, vì sau khi họ ký nhận đã được Bị đơn cộng dồn và ký nhận lại. Hơn nữa những người này chỉ có tên, không có địa chỉ cụ thể, cả Nguyên đơn và Bị đơn đều không biết họ hiện ở đâu. Vì thế Tòa án không tiến hành lấy lời khai cũng như không đưa họ tham gia tố tụng với tư cách là người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan trong vụ án.

Từ những phân tích trên, có căn cứ xác nhận giao dịch giữa Nguyên đơn và Bị đơn là Hợp đồng mua bán tài sản, theo đó bên bán (Nguyên đơn) giao hàng, bên mua (Bị đơn) nhận hàng và trả tiền. Giữa các bên không thỏa thuận về thời hạn thanh toán, nhưng nghĩa vụ thanh toán đối với hợp đồng mua bán tài sản là sau khi giao tài sản, nếu chậm trả thì sẽ phải chịu lãi suất theo quy định. Tuy nhiên do Nguyên đơn chỉ yêu cầu tính lãi kể từ thời điểm khởi kiện tại Tòa án (ngày 29/3/2016) cho đến ngày xét xử (20/9/2017) là 17 tháng 21 ngày nên cần chấp nhận sự tự nguyện này của Nguyên đơn.

Về lãi suất: Do các bên không thỏa thuận được về lãi suất nên lãi suất sẽ được tính theo khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự là 10%/năm (= 0,83%/tháng); cụ thể: $366.440.000đ \times 0,83\%/tháng \times 17 \text{ tháng } 21 \text{ ngày} = 53.833.700đ$, làm tròn là 53.834.000đ.

Như vậy, tổng số tiền mua vật liệu và tiền lãi Bị đơn phải trả cho Nguyên đơn là: $366.440.000đ + 53.834.000đ = 420.274.000đ$ (*Bốn trăm hai mươi triệu hai trăm bảy mươi nghìn đồng chẵn*).

Đối với yêu cầu của Nguyên đơn đòi 115.000.000đ cho Bị đơn vay, trong quá trình giải quyết vụ án Nguyên đơn đã rút yêu cầu đòi 115.000.000đ nên cần chấp nhận sự tự nguyện này của Nguyên đơn.

- *Án phí*: Vụ án này xảy ra do lỗi của Bị đơn nên Bị đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật. Nguyên đơn không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm, hoàn trả Nguyên đơn toàn bộ tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm.

Các đương sự có quyền kháng cáo theo luật.

Vì các lẽ trên:

QUYẾT ĐỊNH

Áp dụng Điều 430, Điều 431, Điều 433, Điều 434, Điều 440, Điều 357, khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự 2015; Điều 27 Pháp lệnh về án phí, lệ phí Tòa án số 10/2009/PL TVQH12 ngày 27/2/2009 của Ủy ban thường vụ Quốc hội. Xử:

- Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Nguyên đơn chị Ngô Thúy T đối với Bị đơn anh Mai Văn M và chị Trần Thị L.

Buộc anh Mai Văn M và chị Trần Thị L phải trả cho chị Ngô Thúy T số tiền 420.274.000đ (*Bốn trăm hai mươi triệu hai trăm bảy tư nghìn đồng chẵn*).

- Án phí: Anh Mai Văn M và chị Trần Thị L phải chịu 20.811.000đ án phí dân sự sơ thẩm. Chị Ngô Thúy T không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm, trả lại chị Ngô Thúy T 10.000.000đ tiền tạm ứng án phí (tại biên lai số AA/2013/04270 ngày 29/3/2016 và biên lai số AA/2013/04592 ngày 19/12/2016) của Chi cục thi hành án dân sự huyện Quế Võ, tỉnh Bắc Ninh.

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật và người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án mà người phải thi hành án không trả thì hàng tháng người phải thi hành án phải trả lãi đối với số tiền chậm trả theo lãi suất là 10%/năm tương ứng với thời gian chậm trả tại thời điểm thi hành án.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự, thời hạn thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Án xử sơ thẩm, đương sự có mặt được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được tổng đạt bản án hoặc niêm yết công khai.

Nơi nhận :

- Tòa án tỉnh;
- VKSND huyện;
- Chi cục THA huyện;
- Những người TGT;
- Lưu Hs, Vp.

T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Nguyễn Tuyết Mai